

Nghiên cứu tác động của các yếu tố đến sự thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

NGUYỄN THỊ THANH THÚY*

Tóm tắt

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là nguồn vốn quan trọng bổ sung cho sự phát triển của nền kinh tế, giúp các quốc gia tiếp cận công nghệ mới, trình độ quản lý, mở rộng thị trường xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Để duy trì và tăng cường sức hút của dòng vốn FDI, Việt Nam cần hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài trong bối cảnh hiện nay. Bài viết phân tích tác động của các yếu tố đến sự thu hút FDI vào Việt Nam, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của các yếu tố này, góp phần đưa dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng trưởng trong thời gian tới.

Từ khóa: đầu tư, vốn đầu tư nước ngoài, thu hút, Việt Nam

Summary

Foreign direct investment (FDI) is a crucial source of capital for economic development, helping countries access new technology and management skills, expand export markets, and shift economic structure. To maintain and increase the attractiveness of FDI capital flows, Vietnam needs to clearly understand the factors affecting the investment decisions of foreign enterprises in the current context. The article analyzes the impact of factors on FDI attraction in Vietnam, thereby proposing several solutions to minimize the negative impacts of these factors, contributing to the growth of FDI capital flows into Vietnam in the coming time.

Keywords: investment, foreign investment capital, attraction, Vietnam

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, dòng vốn FDI đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của các quốc gia. Với vị trí địa lý thuận lợi và nguồn lao động dồi dào, Việt Nam đã trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI trong khu vực. Tuy nhiên, để duy trì sức hút và tối ưu hóa lợi ích từ FDI, Việt Nam cần hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến dòng vốn này và xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi hơn. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI bao gồm: môi trường chính trị - xã hội, hệ thống pháp lý, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, chính sách kinh tế vĩ mô... Bất kỳ thay đổi nào trong những yếu tố này đều có thể tác động trực tiếp đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài. Vì vậy, việc nghiên cứu đánh giá tác động của các yếu tố này đến việc thu hút vốn FDI để từ đó đưa ra giải pháp giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của các yếu tố đó là cần thiết.

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẾN THU HÚT FDI VÀO VIỆT NAM

Môi trường chính trị - xã hội

Chính trị ổn định là nền tảng quan trọng giúp Việt

Nam trở thành điểm đến an toàn cho FDI. Tuy nhiên, sự ổn định này cần được củng cố bằng một hệ thống pháp lý đáng tin cậy và khả năng thực thi cao. Ổn định chính trị giúp giảm thiểu rủi ro cho các dự án đầu tư dài hạn, nhất là trong các ngành đòi hỏi vốn lớn và thời gian thu hồi vốn lâu, như: sản xuất công nghiệp, năng lượng và cơ sở hạ tầng. Các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là từ các quốc gia phát triển, thường rất nhạy cảm với các bất ổn chính trị, do đó, vị thế ổn định của Việt Nam tạo nên lợi thế cạnh tranh đáng kể.

Nghiên cứu của Trần Hữu Nam và cộng sự (2021) chứng minh rằng, sự ổn định chính trị và cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam trong việc thu hút FDI đã giúp dòng vốn này tăng trưởng đều đặn trong thập kỷ qua. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng, các vấn đề, như: thiếu minh bạch trong thủ tục pháp lý và sự bất cập trong cơ chế giám sát thực thi chính sách có thể làm suy giảm lòng tin của nhà đầu tư. Theo báo cáo Political Risk Index năm 2023, Việt Nam được xếp vào nhóm các quốc gia có rủi ro chính trị thấp nhất Đông Nam Á, vượt qua cả Thái Lan và Philippines, những nước thường xuyên đối mặt với các cuộc biểu tình hoặc biến động chính trị. Điều này lý giải tại sao các tập đoàn lớn, như: Samsung, Intel và LG đã đầu tư hàng tỷ USD vào Việt Nam, biến đất nước thành trung tâm sản xuất chiến lược.

* Khoa Tài chính Ngân hàng và Bảo hiểm, Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp | Email: ntthuy.tcnh@uneti.edu.vn
Ngày nhận bài: 14/11/2024; Ngày phản biện: 30/11/2024; Ngày duyệt đăng: 09/12/2024

Chính sách pháp lý

Thời gian qua, Chính phủ đã nỗ lực cải thiện các chính sách, điển hình là việc ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), bao gồm: Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), giúp nâng cao niềm tin và tăng cường thu hút FDI. Việt Nam đã áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao và sản xuất công nghiệp. Các ưu đãi bao gồm: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian đầu, giảm thuế đất tại các khu công nghiệp và hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng. Tỷ lệ về số thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi miễn, giảm của doanh nghiệp FDI trên tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính theo thuế suất phổ thông là 48%, trong khi tỷ lệ này của doanh nghiệp nhà nước chỉ là 4,6%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 14%.

Mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc cải cách pháp lý, nhưng vẫn tồn tại một số vấn đề. Cụ thể, trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nhiều doanh nghiệp nước ngoài vẫn e ngại vì tình trạng vi phạm bản quyền ở Việt Nam chưa được kiểm soát triệt để. Bên cạnh đó, tính minh bạch và hiệu quả thực thi chính sách pháp lý vẫn là điểm yếu. Báo cáo Global Competitiveness Index năm 2023 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) cho thấy, Việt Nam xếp thứ 65/141 quốc gia, thấp hơn Malaysia và Thái Lan. Nhiều doanh nghiệp FDI phản ánh rằng, các thủ tục hành chính phức tạp và không đồng bộ giữa các cấp chính quyền là rào cản lớn nhất. Theo EuroCham, 41% doanh nghiệp thành viên của họ tại Việt Nam gặp khó khăn với các quy trình pháp lý. Ngoài ra, chính sách thu hút FDI không đồng bộ giữa các địa phương cũng là vấn đề. Trong khi các tỉnh như: Bắc Ninh, Bình Dương có môi trường đầu tư thông thoáng, nhiều địa phương khác chưa có chính sách ưu đãi hấp dẫn hoặc thiếu sự hỗ trợ sau đầu tư.

Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng tốt sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí vận chuyển và logistics. Năm 2023, Việt Nam đã chi khoảng 7 tỷ USD cho việc nâng cấp hạ tầng, đặc biệt là các tuyến đường cao tốc, cầu cảng và sân bay quốc tế. Tuy nhiên, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai là những khu vực thu hút nhiều FDI nhất cả nước, nhưng thường xuyên đối mặt với tình trạng tắc nghẽn giao thông, quá tải cảng biển và thiếu hụt không gian công nghiệp. Cảng biển Cát Lái và Cái Mép - Thị Vải thường xuyên bị quá tải. Điều này dẫn đến chi phí logistics cao, hiện chiếm khoảng 20% GDP của Việt Nam, cao hơn mức trung bình khu vực ASEAN (14%-15%) [7]. Một ví dụ thực tế là việc Foxconn - nhà cung cấp linh kiện chính của Apple - quyết định mở rộng sản xuất tại Việt Nam. Trong báo cáo đánh giá nội bộ, Foxconn nhấn mạnh rằng, các vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng, như: tắc nghẽn tại cảng Cát Lái và thiếu hụt các tuyến cao tốc kết nối, đã làm tăng chi phí vận hành lên khoảng 10%-15% so

với các địa điểm khác trong khu vực, như: Thái Lan hoặc Malaysia.

Bên cạnh đó, sự thiếu đồng bộ giữa các khu vực vẫn là trở ngại lớn. Cụ thể, hạ tầng tại các Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển mạnh mẽ, trong khi các khu vực miền núi phía Bắc hay miền Tây Nam Bộ lại chưa được đầu tư tương xứng. Điều này khiến dòng vốn FDI tập trung chủ yếu vào các trung tâm công nghiệp lớn, như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, thay vì phân bổ đều trên cả nước.

Nguồn nhân lực

Việt Nam có lực lượng lao động trẻ và chi phí lao động thấp so với nhiều nước trong khu vực, nhưng tỷ lệ lao động có kỹ năng cao còn thấp. Điều này đặc biệt quan trọng với các ngành đòi hỏi kỹ thuật cao, như: sản xuất công nghệ và kỹ thuật cơ khí. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tính đến quý III/2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước ước khoảng 52,7 triệu người, tuy nhiên, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ chỉ đạt mức 28,5% [8]. Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, Việt Nam cần có 3 triệu nhân sự làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin vào năm 2030, nhưng hiện tại chỉ có khoảng 450.000 người đáp ứng được yêu cầu [1].

Nhu cầu tuyển dụng nhân lực tại Việt Nam còn rất lớn và ngày càng yêu cầu cao về chất lượng. Thực tế này diễn ra trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, song đào tạo so với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp vẫn còn quá thấp. Điều này dẫn đến tình trạng các nhà đầu tư FDI phải đầu tư thêm vào đào tạo lao động địa phương, tạo thêm chi phí, ảnh hưởng đến lợi nhuận đầu tư. Điển hình như Intel và Samsung phải đầu tư mạnh vào việc đào tạo nhân lực tại chỗ do không tuyển được lao động có sẵn. Bên cạnh đó, xu hướng lao động từ nông thôn ra thành phố làm việc dẫn đến sự mất cân đối nhân lực giữa các khu vực, làm tăng chi phí vận hành của các doanh nghiệp ở vùng sâu, vùng xa.

Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng kinh tế ổn định, tỷ giá hối đoái hợp lý và lạm phát được kiểm soát là những yếu tố tạo niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài. Trong nhiều năm qua, Việt Nam đã duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ở mức cao, nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, áp lực từ giá năng lượng toàn cầu và sự mất giá của đồng Việt Nam so với USD vẫn đặt ra thách thức. Trong năm 2023, sự biến động tỷ giá khiến nhiều doanh nghiệp FDI gặp khó khăn trong việc lập kế hoạch tài chính. Ngoài ra, Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt là từ Trung Quốc, làm gia tăng chi phí sản xuất khi chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn. Các nhà đầu tư FDI thường e ngại trước những rủi ro này và có xu hướng chuyển vốn đến những quốc gia có môi trường kinh tế ổn định hơn.

Hội nhập quốc tế và tác động của các FTA

Tính đến tháng 10/2024, Việt Nam có 17 FTA có hiệu lực, trong đó có các FTA thế hệ mới, như: EVFTA, CPTPP và RCEP [12]. Những FTA này tạo

điều kiện thuận lợi để Việt Nam trở thành cửa ngõ xuất khẩu vào các thị trường lớn, như: EU, Nhật Bản và Hàn Quốc. Điều này đặc biệt hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài muốn tận dụng các ưu đãi thuế quan và tiếp cận thị trường rộng lớn. Theo khảo sát của Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham), EVFTA đã giúp tăng xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng vọt từ 35 tỷ Euro vào năm 2019 lên tới hơn 48 tỷ Euro vào năm 2023, đồng thời thu hút dòng vốn FDI từ EU đạt hơn 28 tỷ USD năm 2023 [3]. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn cao về môi trường, lao động và quản trị trong các FTA này cũng tạo ra áp lực lớn đối với các doanh nghiệp FDI. Nhiều nhà đầu tư bày tỏ lo ngại rằng, việc không đáp ứng được các tiêu chuẩn này có thể làm tăng rủi ro và chi phí vận hành tại Việt Nam.

Địa chính trị và chiến lược “China+1”

Bối cảnh địa chính trị toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Theo một điều tra gần đây của Nikkei Asian Review đối với các doanh nghiệp lớn cho thấy, khoảng 50 tập đoàn đa quốc gia đã công bố kế hoạch chuyển nhà máy sản xuất ra khỏi Trung Quốc [13]. Đáng chú ý là, 7/50 công ty này lựa chọn Việt Nam là địa điểm đến; một số doanh nghiệp công nghiệp hàng đầu thế giới như Apple đã có kế hoạch thử nghiệm sản xuất tai nghe AirPods tại Việt Nam. Việt Nam được đánh giá là một trong những điểm đến quan trọng của dòng vốn FDI dịch chuyển khỏi Trung Quốc nhờ vị trí chiến lược, chi phí nhân công thấp, nguồn nhân lực dồi dào, môi trường vĩ mô và chính trị ổn định, độ mở kinh tế lớn và cách đây không lâu tham gia vào 2 hiệp định CPTPP và EVFTA. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng, Việt Nam đang phải cạnh tranh gay gắt với các quốc gia khác, như: Indonesia, Philippines và Ấn Độ. Theo khảo sát của JETRO (2023), dù 39% doanh nghiệp Nhật Bản tại Trung Quốc đang cân nhắc mở rộng sang Việt Nam, thì một tỷ lệ lớn vẫn đang xem xét các lựa chọn khác do Việt Nam còn hạn chế về cơ sở hạ tầng và chất lượng lao động.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Để giảm thiểu tác động của các yếu tố tiêu cực đến việc thu hút FDI, giúp Việt Nam duy trì và phát triển dòng vốn FDI, góp phần đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững trong tương lai, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, cải cách hệ thống pháp lý và chính sách đầu tư

Chính phủ cần tăng cường cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu giấy tờ, quy trình rườm rà và thời gian phê duyệt đầu tư. Đơn giản hóa quy trình sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, giúp giảm chi phí và thời gian cho các doanh nghiệp FDI.

Minh bạch hóa khung pháp lý, đảm bảo các quy định pháp luật được thực thi minh bạch và nhất quán, giúp nhà đầu tư dễ dàng hiểu và tuân thủ quy định.

Chính phủ cần cung cấp thông tin rõ ràng về chính sách ưu đãi, bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và năng lượng tái tạo.

Chính phủ cần tiếp tục tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, đặc biệt là trong các thủ tục cấp phép dự án và giải quyết các vấn đề hành chính. Điều này giúp giảm thiểu chi phí không chính thức cho nhà đầu tư; đồng thời, tăng cường niềm tin vào môi trường kinh doanh của Việt Nam.

Hai là, phát triển cơ sở hạ tầng và cải thiện logistics

Phát triển hệ thống giao thông: Đầu tư nâng cấp các hệ thống giao thông, đặc biệt là đường cao tốc, cảng biển và đường sắt kết nối các khu công nghiệp lớn với các cảng quốc tế. Các dự án như: tuyến cao tốc Bắc - Nam, hệ thống cảng biển tại Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh cần được đẩy nhanh tiến độ và cải thiện chất lượng để phục vụ tốt hơn cho chuỗi cung ứng.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả năng lượng: Nguồn cung điện ổn định là yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là trong các lĩnh vực sản xuất. Việt Nam cần đẩy mạnh phát triển các dự án năng lượng tái tạo, như: điện mặt trời và điện gió; đồng thời, tăng cường hệ thống truyền tải và phân phối điện để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng từ các khu công nghiệp. Hợp tác công - tư (PPP) cũng là một hướng đi tiềm năng để thu hút đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng năng lượng.

Ba là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo lao động: Xây dựng các chương trình hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng và các doanh nghiệp để đào tạo lao động phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng. Các chương trình thực tập và đào tạo trực tiếp tại các doanh nghiệp sẽ giúp sinh viên và người lao động sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động ngay khi tốt nghiệp.

Phát triển kỹ năng mới cho lực lượng lao động: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam cần tập trung phát triển các kỹ năng mới cho người lao động, đặc biệt là kỹ năng về công nghệ, quản lý và ngôn ngữ. Các chương trình đào tạo về kỹ năng số và trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ giúp lực lượng lao động sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp có giá trị cao.

Thu hút chuyên gia quốc tế: Việt Nam cần có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho chuyên gia nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp FDI để chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm, giúp nâng cao trình độ cho lao động trong nước.

Bốn là, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và chính sách tài khóa linh hoạt

Duy trì ổn định tỷ giá và kiểm soát lạm phát: Việt Nam cần duy trì chính sách tiền tệ ổn định, kiểm soát lạm phát để đảm bảo chi phí sản xuất hợp lý cho doanh nghiệp FDI. Các biện pháp điều chỉnh linh hoạt tỷ giá hối đoái giúp các doanh nghiệp xuất khẩu và nhà đầu tư nước ngoài giảm thiểu rủi ro tài chính.

Áp dụng các chính sách ưu đãi tài chính linh hoạt: Chính phủ có thể xem xét áp dụng các chính sách ưu đãi thuế và miễn giảm thuế linh hoạt dựa trên quy mô,

ngành nghề và vị trí của các dự án FDI. Ví dụ, các ưu đãi thuế có thể được điều chỉnh cho các dự án lớn có giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực, như: công nghệ cao, năng lượng tái tạo và sản xuất xanh. Hiện nay, các nước ASEAN đã thống nhất được mức thuế thu nhập doanh nghiệp thấp nhất. Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu 15% áp dụng năm 2023 sẽ đánh mất lợi thế dùng ưu đãi thuế thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Chính vì vậy, để Việt Nam giữ được lợi thế cạnh tranh của mình trong thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời không bị thất thu thuế, Chính phủ cần xem xét thay đổi các quy định về thuế trong nước và thiết kế các chính sách khuyến khích đầu tư mới, có cân nhắc đến mức thuế tối thiểu toàn cầu.

Năm là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và tăng cường xúc tiến đầu tư

Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư: Chính phủ có thể tổ chức các hội nghị và triển lãm xúc tiến đầu tư tại các quốc gia có tiềm năng, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, EU và Hoa Kỳ. Những chương trình này giúp quảng bá hình ảnh Việt Nam, giới thiệu cơ hội đầu tư và tạo cầu nối giữa các nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam.

Tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế: Việt Nam cần tích cực hợp tác với các tổ chức quốc tế và các đối tác thương mại để nắm bắt xu hướng đầu tư và phát triển kinh tế toàn cầu. Việc xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và chính sách đầu tư hợp lý giúp Việt Nam dễ dàng thích nghi với các biến động kinh tế và cạnh tranh trong khu vực.

Sáu là, phát triển môi trường kinh doanh thân thiện và nâng cao khả năng cạnh tranh

Cải thiện hệ thống đánh giá và quản lý rủi ro: Chính phủ có thể xây dựng các quy trình quản lý rủi ro cho các doanh nghiệp nước ngoài một cách hiệu quả, giúp các nhà đầu tư giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động. Cần có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đối phó với các rủi ro địa chính trị, đảm bảo tính bền vững cho các dự án FDI.

Khuyến khích đầu tư xanh và bền vững: Để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, Việt Nam nên khuyến khích các dự án đầu tư xanh và bền vững. Chính phủ có thể đưa ra các ưu đãi cho những doanh nghiệp cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và đầu tư vào các ngành năng lượng tái tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng bền vững. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đức Hiền (2024), *Nỗ lực giải bài toán thiếu hụt nguồn nhân lực công nghệ thông tin*, truy cập từ : <<https://thoibaonganhang.vn/no-luc-giai-bai-toan-thieu-hut-nguon-nhan-luc-cong-nghe-thong-tin-153629.html>>
- Lê Tuấn Lộc, Nguyễn Thị Tuyết (2013), Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài: Trường hợp nghiên cứu điển hình tại TP. Đà Nẵng, *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 11(21), tháng 07-08/2013.
- Ngọc Linh (2024), *Nhiều quy định mới của EU tác động tới xuất khẩu của Việt Nam*, truy cập từ <<https://haiquanonline.com.vn/nhiều-quy-dinh-moi-cua-eu-tac-dong-toi-xuat-khau-cua-viet-nam-191985.html>>.
- Ngọc Khanh (2019), *Thu hút FDI: Kỳ vọng có thêm “người không lỗi”*, truy cập từ <https://tapchitaichinh.vn/thu-hut-fdi-ky-vong-co-them-nguoi-khong-lo.html>.
- Nguyễn Anh Tuấn, Đồng Trung Chính (2017), Các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 43.
- Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại một số nước thuộc hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, *Tạp chí Khoa học thương mại*, 177.
- Nguyễn Hồng Thu (2022), *Những nhân tố tác động đến đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh mới*, truy cập từ < <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/%20trong-boi-canh-moi.aspx>>.
- Nguyễn Quỳnh Thơ (2017), *Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Ngân hàng.
- Nguyễn Thị Vi (2023), Phát triển ngành dịch vụ logistics Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 22.
- Tổng cục Thống kê (2024), *Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý III và 9 tháng năm 2024*.
- Trần Hữu Nam và cộng sự (2021), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh đại dịch Covid-19*, Đánh giá kinh tế Việt Nam thường niên 2021.
- Trung tâm WTO và Hội nhập (2024), *Tổng hợp các FTA của Việt Nam tính đến tháng 10/2024*, truy cập từ <https://trungtamwto.vn/thong-ke/12065-tong-hop-cac-fta-cua-viet-nam-tinh-den-thang-112018>.
- Trung tâm hỗ trợ hội nhập quốc tế TP. Hồ Chí Minh (2020), *Nikkei: Việt Nam đã sẵn sàng cho hàng loạt doanh nghiệp nước ngoài đổ xô vào đầu tư?*, truy cập từ <https://www.hoinhap.org.vn/phan-tich-binh-luan/hoi-nhap-kinh-te-quoc-te/28957-nikkei-viet-nam-da-san-sang-cho-hang-loat-doanh-nghiep-nuoc-ngoai-do-xo-vao-dau-tu.html>.
- UNCTAD (2023), *World Investment Report 2023 - Investing in sustainable energy for all*, United Nations Publications, New York, USA.
- WEF (2023), *The Global Competitiveness Report*.